

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 03/2024

A. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn số 672/TCTQLN về cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh
2. Công văn số 9580/CTHN-TTHT về việc kê khai hóa đơn đầu vào trên bảng kê 01- 1/HT
3. Công văn số 683/TCHQ-TXNK về xác định trị giá hải quan hàng nhập khẩu, xuất khẩu.
4. Công văn số 637/TCHQ-TXNK về kê khai trị giá hải quan
5. Công văn số 651/TCHQ-TXNK về hàng xuất khẩu loại hình SXKX
6. Công văn số 6002/TCT-DNNCN về chính sách thuế TNCN.
7. Công văn số 8974/CTHN-TTHT về chính sách thuế TNDN, TNCN đối với bảo hiểm nhân thọ
8. Công văn số 2492/CTBDU-TTHT về chính sách giảm thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP
9. Công văn số 6033/TCT-CS liên quan tới việc kê khai, nộp thuế nhà thầu.
10. Công văn số 5852/TCT-PC về xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân không kê khai quyết toán thuế TNCN.
11. Công văn số 9575/CTHN-TTHT về thuế GTGT cho dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp chế xuất.

B. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nghị định số 05/2024/NĐCP về biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam.
2. Điểm mới về thông báo về tìm kiếm việc làm khi hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH
3. Phân loại mức độ rủi ro của người khai hải quan từ ngày 15/03/2024 tại Thông tư 06/2024/TT-BTC
4. Từ ngày 01/07/2024, Tổng mức góp vốn của Công ty tài chính vào các doanh nghiệp không vượt quá 40% tại Luật số 32/2024/QH15
5. Nghị quyết số 11/2024/NĐCP về điều kiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



A. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Ngày 26/02/2024 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 672/TCTQLN về cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh, theo đó:

- Trường hợp doanh nghiệp đang bị cưỡng chế "hóa đơn" nếu cần sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì được đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng từng lần.

- Doanh nghiệp thực hiện gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT (ban hành tại Phụ lục IA Nghị định 123/2020/NĐ-CP) đến cơ quan thuế và truy cập vào hệ thống lập hóa đơn điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ thuế theo quy định (ít nhất 18% doanh thu), ngay trong ngày làm việc cơ quan thuế sẽ cấp mã cho hóa đơn điện tử của doanh nghiệp.

2. Ngày 28/02/2023, Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 9580/CTHN-TTHT về việc kê khai hóa đơn đầu vào trên bảng kê 01- 1/HT, theo đó:

Trường hợp Công ty đề nghị hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì hồ sơ, tài liệu đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng được quy định tại Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Trường hợp hóa đơn mua hàng là hóa đơn điện tử mà người bán đã gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không mã của cơ quan thuế mà người bán đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Công ty không cần cung cấp bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC nêu trên.

3. Ngày 21/02/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 683/TCHQ-TXNK về xác định trị giá hải quan hàng nhập khẩu, xuất khẩu, theo đó:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan được xác định trên cơ sở giá FOB tại cửa khẩu xuất khẩu; đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan được xác định trên cơ sở giá CIF tại cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên.

- Trường hợp hàng hóa được giao đến người nhận theo các điều kiện giao hàng mà trong tiền hàng đã bao gồm các chi phí từ cửa khẩu nhập khẩu đến địa điểm giao hàng (ví dụ: DDU, DDP, DAP) và người khai hải quan không có chứng từ, tài liệu khách quan, định lượng được để tách các chi phí đó khỏi tiền hàng thì phải giữ nguyên số tiền đó trong tiền hàng để xác định trị giá hải quan. Khi đó, việc người khai hải quan xác định và kê khai trị giá hải quan theo tiền hàng đã bao gồm các chi phí từ cửa khẩu nhập khẩu đến địa điểm giao hàng không được coi là khai sai trị giá hải quan.

- Trường hợp hàng hóa được giao theo điều kiện EXWork người khai hải quan phải xác định và kê khai trị giá hải quan bao gồm giá tại địa điểm giao hàng (được gọi là giá ExW) và các chi phí tính đến cửa khẩu xuất khẩu (hàng xuất khẩu) hoặc các chi phí tính đến cửa khẩu xuất khẩu (hàng xuất khẩu) hoặc các chi phí tính đến cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên (hàng nhập khẩu). Nếu người khai hải quan không tính đầy đủ các chi phí vào trị giá hải quan thì được coi là khai sai trị giá hải quan. Việc xác định và kê khai trị giá hải quan không phụ thuộc vào hàng hóa có hay không thuộc đối tượng chịu thuế.

4. Ngày 07/02/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 637/TCHQ-TXNK về kê khai trị giá hải quan theo đó:

- Trường hợp máy móc, thiết bị đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất (DNCX) (đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan) thì phải thực hiện thủ tục hải quan. Loại hình xuất nhập khẩu thực hiện theo thực tế giao dịch của doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp nội địa cho DNCX thuê, mượn máy móc, thiết bị thì thực hiện theo thủ tục tạm xuất - tái nhập (với doanh nghiệp nội địa) và thủ tục tạm nhập - tái xuất (với DNCX) (Điều 17 Nghị định 69/2018/NĐ-CP)

- Việc xác định trị giá hải quan của hàng hóa tạm xuất - tái nhập và tạm nhập - tái xuất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 (hàng xuất khẩu), khoản 3 (hàng nhập khẩu) Điều 86 Luật Hải quan. Theo đó, khi doanh nghiệp nội địa mở tờ khai tạm xuất và DNCX mở tờ khai tạm nhập, khai trị giá hải quan là giá trị của hàng hóa tại thời điểm cho thuê/đi thuê và chi phí mà bên cho thuê phải thanh toán để đưa hàng hóa đến DNCX (chi phí vận chuyển và bảo hiểm cho hàng hóa - nếu có).

- Khi doanh nghiệp nội địa làm thủ tục tái nhập và DNCX làm thủ tục tái xuất, khai trị giá hải quan là giá trị còn lại của hàng hóa tại thời điểm giao trả hàng hóa từ DNCX về nội địa. Giá trị còn lại của hàng hóa được xác định trên cơ sở ghi chép, theo dõi tại hồ sơ kế toán của chủ hàng hóa.

5. Ngày 19/02/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 651/TCHQ-TXNK về hàng xuất khẩu loại hình SXKK, theo đó:

- Sản phẩm xuất khẩu tại chỗ không được miễn thuế xuất khẩu. Bên xuất khẩu phải đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ và kê khai nộp thuế xuất khẩu theo mức thuế suất và trị giá của sản phẩm xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại thời điểm đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ.

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc trong nước để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì khi xuất khẩu sản phẩm cũng không được miễn thuế xuất khẩu, doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với sản phẩm xuất khẩu theo quy định.



A. CHÍNH SÁCH THUẾ



6. Ngày 29/12/2023, Công văn số 6002/TCT-DNNCN về chính sách thuế TNCN đối với các khoản bảo hiểm bắt buộc đóng tại nước ngoài.

Theo Tổng cục Thuế, trường hợp cá nhân người nước ngoài được công ty ở nước ngoài cử sang Việt Nam làm việc theo diện lao động di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp; thu nhập từ tiền lương, tiền công do công ty ở Việt Nam và công ty ở nước ngoài chi trả, trong đó phần thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài do công ty ở nước ngoài chi trả (bao gồm cả khoản bảo hiểm bắt buộc đóng ở nước ngoài) được bồi hoàn toàn bộ bởi công ty ở Việt Nam thì không được trừ các khoản bảo hiểm đó khi tính thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam.

7. Ngày 23/02/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 8974/CTHN-TTHT về chính sách thuế TNDN, TNCN đối với bảo hiểm nhân thọ theo đó:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Trường hợp Công ty mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động thì khoản chỉ được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN nếu mức chỉ không vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người và đáp ứng các điều kiện theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 25/2018/TT-BTC nêu trên.

- Về thuế thu nhập cá nhân:

+ Khoản tiền mua bảo hiểm nhân thọ không phải là bảo hiểm mang tính bắt buộc tham gia nên không thuộc các khoản đóng bảo hiểm được giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNCN theo quy định tại tiết a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

+ Trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ có tích lũy về phí bảo hiểm thì căn cứ tính thuế và đối tượng thực hiện khấu trừ thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên.

+ Khoản thu nhập từ lãi hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được miễn thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết g Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

+ Trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ không có tích lũy về phí bảo hiểm thì khoản tiền mua bảo hiểm này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.



A. CHÍNH SÁCH THUẾ



8. Ngày 05/02/2024 Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 2492/CTBDU-TTHT về chính sách giảm thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP đối với trường hợp áp dụng chiết khấu thương mại, theo đó:

Trường hợp Công ty kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng và đối với các khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 thuế GTGT với thuế suất 10% và từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023 được giảm thuế GTGT với thuế suất 8% đã bán trong năm 2023 nhưng từ 01/02/2024 mới xuất hóa đơn thể hiện nội dung chiết khấu thương mại thì:

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập vào lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp theo sau ngày 30/6/2023 thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh ở nội dung giá tính thuế, thuế suất thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm lập hóa đơn.

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc kỳ chiết khấu sau ngày 31/12/2023 thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh và áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% tại thời điểm bán hàng.

9. Ngày 29/12/2023, Công văn số 6033/TCT-CS liên quan tới việc kê khai, nộp thuế nhà thầu.

Theo Tổng cục Thuế, công ty A (là tổ chức nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam) đã đăng ký thuế trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định. Trường hợp Công ty B (là tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, mua dịch vụ hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam) đã thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho Công ty A thì Công ty A được trừ doanh thu Công ty B đã khấu trừ, nộp thay.

10. Ngày 21/12/2023 Công văn số 5852/TCT-PC về xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân không kê khai quyết toán thuế TNCN.

Theo Tổng cục Thuế, cá nhân có thu nhập lớn từ tiền hoa hồng môi giới đã được đơn vị chi trả thu nhập khấu trừ 10% trên thu nhập nhưng vẫn thuộc trường hợp phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm phải nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN và nộp đủ số tiền thuế TNCN còn thiếu vào NSNN. Việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN và nộp đủ số tiền thuế vào NSNN trước khi cơ quan thuế lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi chậm nộp quá hạn trên 90 ngày thì người nộp thuế bị xem xét xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Trường hợp cơ quan thuế đã lập biên bản vi phạm ghi nhận hành vi không nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN hoặc nộp quá hạn trên 90 ngày mà hồ sơ khai thuế đó phát sinh số thuế phải nộp thì người nộp thuế bị xem xét xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế.



11. Ngày 28/02/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 9575/CTHN-TTHT về thuế GTGT cho dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp chế xuất, theo đó:

- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho doanh nghiệp chế xuất nếu dịch vụ này chỉ được thực hiện và tiêu dùng trong khu phi thuế quan thì được hưởng thuế suất GTGT 0%.

- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho doanh nghiệp chế xuất nếu dịch vụ này được thực hiện và tiêu dùng trong nội địa thì phải áp dụng thuế suất GTGT 10%.



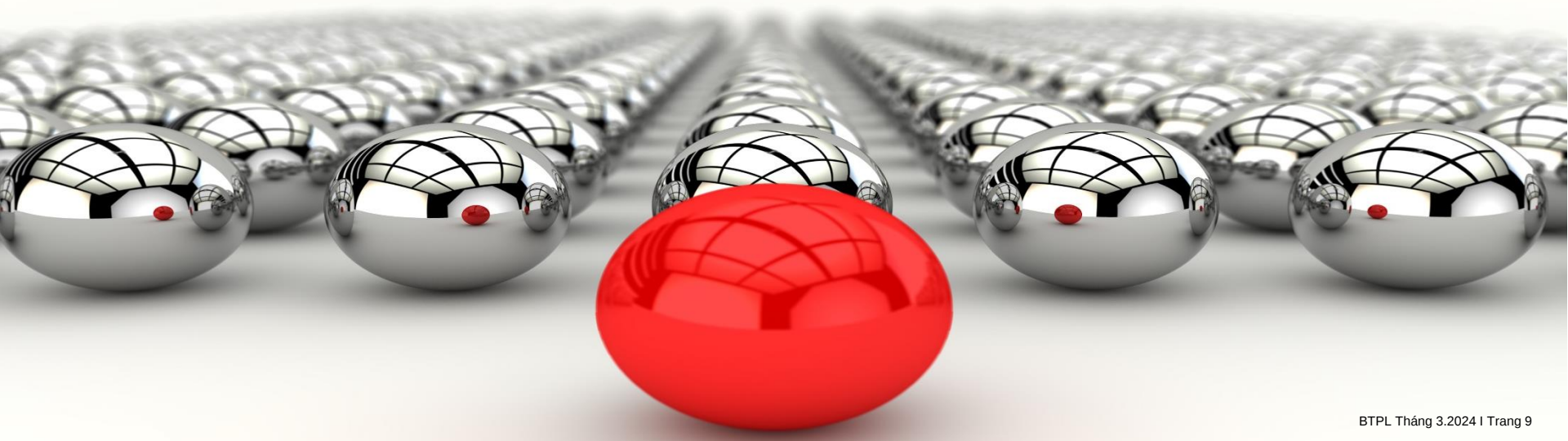
B. VĂN BẢN QUẢN LÝ MỚI CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nghị định số 05/2024/NĐCP về biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam.
2. Điểm mới về thông báo về tìm kiếm việc làm khi hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH
3. Phân loại mức độ rủi ro của người khai hải quan từ ngày 15/03/2024 tại Thông tư 06/2024/TT-BTC
4. Từ ngày 01/07/2024, Tổng mức góp vốn của Công ty tài chính vào các doanh nghiệp không vượt quá 40% tại Luật số 32/2024/QH15
5. Nghị quyết số 11/2024/NĐCP về điều kiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



1. Ngày 24/01/2024, Chính Phủ ban hành Nghị định số 05/2024/NĐCP về biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2023 – 2024. Theo đó:

- Công bố danh mục các mặt hàng nhập khẩu từ Campuchia được áp dụng thuế suất 0% trong giai đoạn 2023 - 2024.
- Để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Biểu thuế, hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau: có tên trong Biểu thuế, có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu S và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục III đính kèm.
- Biểu thuế được áp dụng hồi tố cho hàng hóa nhập khẩu từ 2/6/2023, theo đó, hàng hóa nhập khẩu từ 2/6/2023 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực (24/1/2024) nếu đáp ứng đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn sẽ được bù trừ/hoàn trả tiền thuế nộp thừa.





2. Điểm mới về thông báo về tìm kiếm việc làm khi hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH.

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm 2013 và một số điều của Nghị định 28/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm 2013 về bảo hiểm thất nghiệp.

Theo đó, sửa đổi quy định về thông báo về việc tìm kiếm việc làm, đơn cử như:

Trường hợp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm.

Theo đó, người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm nếu thời gian thông báo về việc tìm kiếm việc làm nằm trong khoảng thời gian mà người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

- Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên; (Điểm mới so với quy định hiện hành)
- Ốm đau có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;
- Nghỉ hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền.

Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ; (Điểm mới so với quy định hiện hành)

- Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;
- Bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Cha, mẹ, vợ/chồng, con của người lao động chết; người lao động hoặc con của người lao động kết hôn có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;



- Đang tham gia khóa học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và có xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp; (Điểm mới so với quy định hiện hành)
- Thực hiện hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 03 tháng; (Điểm mới so với quy định hiện hành)
- Đi cai nghiện tự nguyện có xác nhận của cơ sở cai nghiện hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; (Điểm mới so với quy định hiện hành)
- Chuyển nơi hưởng trợ cấp theo khoản 5 Điều 10 Thông tư 28/2015/TTBLĐTBXH . (Điểm mới so với quy định hiện hành)

Người lao động phải thông tin cho trung tâm dịch vụ việc làm (thông qua điện thoại, thư điện tử, fax, ...) về lý do không phải trực tiếp đến thông báo và trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm theo quy định, đồng thời gửi thư bảo đảm hoặc ủy quyền cho người khác nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ nêu trên chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp đến trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ trường hợp nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên.

Trường hợp gửi theo đường bưu điện thì ngày được coi là đã gửi thông báo là ngày ghi trên dấu bưu điện.

Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2024.

3. Thông tư 06/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2019/TT-BTC quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Ngày 29/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 06/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2019/TT-BTC quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Phân loại mức độ rủi ro của người khai hải quan từ ngày 15/03/2024

Theo đó, người khai hải quan được phân loại mức độ rủi ro theo một trong những hạng sau:

- Hạng 1: Doanh nghiệp ưu tiên là doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư 06/2024/TT-BTC .
- Hạng 2: Người khai hải quan rủi ro rất thấp.
- Hạng 3: Người khai hải quan rủi ro thấp.
- Hạng 4: Người khai hải quan rủi ro trung bình.
- Hạng 5: Người khai hải quan rủi ro cao.
- Hạng 6: Người khai hải quan rủi ro rất cao.
- Hạng 7: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và chưa từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan và lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt.
- Hạng 8: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và đã từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan hải và lĩnh vực khác do cơ quan quan xử phạt, trừ các hành vi quy định đối với Hạng 9.



- Hạng 9: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và đã từng bị xử lý vi phạm thuộc một trong các hành vi quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC .

Phân loại mức độ tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan từ ngày 15/03/2024

Cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh trong 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá theo một trong các mức độ tuân thủ pháp luật như sau:

Mức 1: Doanh nghiệp ưu tiên.

Mức 2: Doanh nghiệp tuân thủ mức rất cao.

Mức 3: Doanh nghiệp tuân thủ mức cao.

Mức 4: Doanh nghiệp tuân thủ mức trung bình.

Mức 5: Doanh nghiệp không tuân thủ.

Xem chi tiết tại Thông tư 06/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/03/2024. Nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư 06/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/7/2025.

4. Từ ngày 01/07/2024, Tổng mức góp vốn của Công ty tài chính vào các doanh nghiệp không vượt quá 40% tại Luật số 32/2024/QH15.

Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật số 32/2024/QH15 về Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, theo đó:

Theo Điều 137 Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định giới hạn góp vốn, mua cổ phần như sau:

- Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại (NHTM) và công ty con, công ty liên kết của NHTM đó vào 1 doanh nghiệp (DN) hoạt động lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng **không được vượt quá 11% vốn điều lệ** của DN nhận vốn góp.
- Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM vào các DN, tổ chức tín dụng, kể cả công ty con, công ty liên kết của NHTM đó theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng 2024 **không được vượt quá 40% vốn điều lệ** và các quỹ dự trữ của NHTM.
- Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó vào một DN, quỹ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 118 và khoản 2 Điều 123 Luật các tổ chức tín dụng 2024 **không được vượt quá 11% vốn điều lệ** của doanh nghiệp, quỹ đầu tư nhận vốn góp.
- Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính vào DN, quỹ đầu tư, kể cả công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 118, khoản 2 và khoản 3 Điều 123 Luật các tổ chức tín dụng 2024 **không được vượt quá 40% vốn điều lệ** và các quỹ dự trữ của công ty tài chính.
- Tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
 - + DN, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó;
 - + DN, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó.
- Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại các khoản trên không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của NHTM, công ty tài chính vào một DN từ quỹ do công ty đó quản lý.



5. Thông tư 06/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2019/TT-BTC quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

- Tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
 - + Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó;
 - + Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó.
- Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại các khoản trên không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ quỹ do công ty đó quản lý.

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức, cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy, Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng
Đạo, quận Hoàn
Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269